

THÔNG TIN

SỰ TRỞ DẬY CỦA NHỮNG TẦNG LỚP XÃ HỘI MỚI LÀ TIÊU CHÍ CỦA XÃ HỘI PHÁT TRIỂN

Gần đây, Diễn đàn “Thời đại tư bản Trung Quốc đến gần và những thách thức” được tổ chức tại Vũ Hán. Phó Chủ tịch Liên hiệp Công thương toàn quốc, nhà kinh tế Cố Thắng Trở đã tham dự và có bài phát biểu với chủ đề xoay quanh vấn đề “các tầng lớp xã hội mới”.

Bài phát biểu của ông đã chỉ ra rằng, từ cải cách mở cửa cuối thập kỷ 70 của thế kỷ trước, Trung Quốc đã phôi thai và thúc đẩy sự ra đời của tầng lớp xã hội mới hình thành bởi những người làm kinh tế phi công hữu và các phần tử trí thức tự do lựa chọn nghề nghiệp. Đây là một tiêu chí quan trọng trong sự phát triển tiến bộ của xã hội Trung Quốc. Các tầng lớp xã hội mới đã phát huy vai trò to lớn trên các mặt như góp phần làm tăng các nguồn thu tài chính và thuế, tạo công việc làm, tác động tích cực cho xã hội. Đây là một lực lượng mới thúc đẩy hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường và phát triển xã hội.

Ông Cố Thắng Trở cho rằng, sau cải cách mở cửa, Trung Quốc đã xuất hiện hai tầng lớp xã hội mới quan trọng: *một là* tầng lớp nông dân vào thành phố làm thuê có liên quan mật thiết tới quá trình công nghiệp hoá và đô thị hóa; *hai là* tầng lớp được cấu thành từ chủ doanh

nh nghiệp “ba loại vốn”, công nhân “cổ áo trắng”, những người sáng lập, người làm kỹ thuật trong các công ty dân doanh, những người làm việc tự do... hình thành trong quá trình cải cách theo hướng thị trường hoá và quốc tế hoá.

Đặc điểm thứ nhất, các tầng lớp xã hội mới có nguồn gốc đa nguyên, hầu hết do công nhân, nông dân, cán bộ và các phần tử trí thức chuyển hoá thành, khác so với tầng lớp nông dân làm thuê chuyển hóa từ nông dân. Sự chuyển chuyển hóa giai tầng mới là đa nguyên. Quá trình chuyển hoá này được chia thành mấy làn sóng như: “trở về thành phố”, “đi buôn”, “phục viên”, “trở về đất nước”. *Thứ nhất* là làn sóng “trở về thành phố” của thanh niên trí thức từ cuối những năm 70 đến những năm 80 của thế kỷ trước; *thứ hai* là làn sóng cán bộ nhà nước và cán bộ khoa học kỹ thuật rời bỏ các cơ quan nhà nước đi ra ngoài lập nghiệp vào những năm 90 của thế kỷ XX, một số người giỏi giang trong xã hội, giỏi giang về khoa học kỹ thuật đã trở thành những doanh nhân thành đạt; *thứ ba* là những người làm công tác quản lý và công nhân trong các xí nghiệp quốc hữu tập thể chuyển nghề hay tự thân sáng lập sự nghiệp mới; *thứ tư* là làn sóng quân nhân phục viên và lưu học sinh trở về đất nước. Theo điều tra, trong các chủ doanh nghiệp tư nhân có 37% số người đã từng làm việc ở các xí nghiệp công hữu, 10% đã từng là cán bộ cơ quan nhà nước, có khoảng 20% đã từng tham gia quân đội, đồng thời

hiện nay còn có hàng vạn lưu học sinh về nước lập nghiệp.

Đặc điểm thứ hai là kết cấu nhiều tầng nấc, khác biệt nhau và nhiều biến động, không ngừng phân hoá. Các tầng lớp xã hội mới không chỉ có những người kinh doanh cá thể mà có cả những doanh nghiệp làm trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật, có những lao động phổ thông mới tìm lại được việc làm, có cả những nhân sĩ chuyên nghiệp có tri thức và kỹ thuật; vừa có công ty nhỏ loại hình kinh doanh gia đình vừa có công ty đa quốc gia do nước ngoài trực tiếp đầu tư; vừa có “kinh tế của phái nước ngoài về” loại hình tập trung nhiều tri thức, vừa có kinh tế tiểu nông tập trung nhiều sức lao động. Trong thể chế truyền thống, một thành viên nào đó được phân định thuộc tầng lớp nào đó, thì bản thân người đó và thế hệ sau của người đó không có cơ hội chuyển sang tầng lớp khác. Trong thời kỳ kinh tế kế hoạch, có những gia đình mấy đời đều làm ở một xí nghiệp, tính lưu động rất thấp. Sau khi những tầng lớp xã hội mới xuất hiện, tính lưu động không ngừng tăng lên, các tầng lớp xã hội không ngừng phân hoá, ngay trong những tầng lớp xã hội mới đã xuất hiện thế hệ “cũ” và “mới”.

Đặc điểm thứ ba là quan niệm có tính đa dạng, xu hướng lợi ích giữa các bên ngày càng lớn. Thành viên của các tầng lớp xã hội mới phần lớn đều có ý thức chủ thể, tự lập tự cường, có tinh thần ham học hỏi, khám phá, song phương hướng lợi ích rất khác biệt. Các chủ doanh nghiệp tư nhân hy vọng rằng thị trường mở rộng hơn nữa, quyền lợi kinh

tế được pháp luật và các chính sách bảo vệ nhiều hơn nữa. Công nhân “áo trắng” làm việc trong các doanh nghiệp nước ngoài quan tâm nhiều hơn đến ổn định xã hội và bảo hiểm phúc lợi. Những người làm nghề nghiệp tự do lại càng hy vọng thực hiện sự chuyển dịch hướng thượng công bằng. Đây là nhóm người năng động nhất, là nhóm người hoạt động kinh tế thị trường mạnh nhất, đồng thời cũng là nhóm có ý thức kinh tế thị trường khá mạnh mẽ và quan niệm giá trị đa nguyên hoá. Ông Cố Thắng Trở cũng cho biết, đóng góp của tầng lớp xã hội mới cho kinh tế xã hội là rất lớn.

Đặc điểm thứ tư, tầng lớp xã hội mới là những người tạo ra các cơ hội việc làm, là nhóm người lập nghiệp. Các tầng lớp xã hội mới không chỉ tạo việc làm cho mình mà còn tạo việc làm cho xã hội, quá trình các xí nghiệp tư nhân lập nghiệp cũng chính là quá trình tạo việc làm. Theo thống kê, hiện nay kinh tế phi công hữu chiếm tới gần 75% việc làm trong cơ cấu việc làm ở thành thị, chiếm khoảng 70% đầu tư xã hội. Tới quý 1 năm 2007, số lượng các doanh nghiệp tư doanh của Trung Quốc đã vượt qua con số 5 triệu hộ, với hơn 60 triệu nhân viên, số hộ công thương cá thể có hơn 25 triệu, nhân viên đạt hơn 50 triệu người. Chỉ riêng các hộ công thương cá thể và các doanh nghiệp tư doanh đã giải quyết được việc làm cho khoảng 110 triệu người.

Đặc điểm thứ năm, các tầng lớp mới ngày càng trẻ hóa, tri thức hóa và tràn đầy sức sống, là nhóm người sáng tạo. Trong giai đoạn đầu cải cách mở cửa,

những người thuộc các tầng lớp dưới hay ngoài lề xã hội có thể chiếm tỷ lệ tương đối lớn trong các chủ doanh nghiệp tư doanh. Từ sau thập kỷ 90 của thế kỷ XX, trình độ của các chủ doanh nghiệp tư doanh không ngừng được tăng lên, có học vấn ngày càng cao, chuyên nghiệp hóa và giỏi giang. Từ cải cách mở cửa đến nay, 70% sáng tạo kỹ thuật, 65% các độc quyền sáng chế trong nước và 80% sản phẩm mới đều xuất phát từ các doanh nghiệp vừa và nhỏ, trong khi các doanh nghiệp vừa và nhỏ phần lớn là các doanh nghiệp phi công hữu. Đồng thời, hàng trăm nghìn người “từ nước ngoài trở về quê hương làm ăn” cũng đang trở thành một lực lượng không thể thiếu trong sự phát triển nhanh chóng của kinh tế Trung Quốc. Hiện 150.000 doanh nghiệp khoa học kỹ thuật dân doanh có tác dụng quan trọng trong việc thúc đẩy xây dựng nhà nước kiểu sáng tạo.

Đặc điểm thứ sáu, tầng lớp xã hội mới là những người sở hữu các yếu tố sản xuất, phần lớn là những người có thu nhập trung bình, là nhóm người góp sức cho dân giàu nước mạnh. Trong tầng lớp xã hội mới, hộ cá thể là những người lao động có tư liệu sản xuất, những nhân viên kỹ thuật của các doanh nghiệp khoa học kỹ thuật dân doanh và những cán bộ kỹ thuật làm việc cho các doanh nghiệp nước ngoài đều là những người có trình độ chuyên môn kỹ thuật. Những người làm việc ở các tổ chức môi giới, những người làm nghề tự do là những người có tri thức, còn các doanh nghiệp tư nhân là những người có nguồn vốn lớn. Họ căn

cứ vào những đóng góp về các yếu tố sản xuất như lao động, trí thức, kỹ thuật, quản lý... để tham gia vào phân phối xã hội. Theo kết quả điều tra, 60% các chủ doanh nghiệp tư doanh cho rằng họ là tầng lớp có thu nhập trung bình. Nói chung, một xã hội ổn định thì kết cấu nên là “hình quả trám”, người giàu chiếm tỷ phần ít, người nghèo chiếm tỷ phần ít và tầng lớp trung lưu chiếm phần nhiều. Ví như tỷ lệ tầng lớp trung lưu ở các nước Bắc Âu là khoảng gần 80%. Theo những yêu cầu cơ cấu xã hội hiện đại của việc xây dựng toàn diện xã hội khá giả, tỷ lệ những người có thu nhập trung bình cần không ngừng tăng lên. Tầng lớp xã hội mới sẽ có ảnh hưởng lớn tới sự lớn mạnh của tầng lớp thu nhập trung bình và những người góp phần làm dân giàu nước mạnh.

Ông Cố Thắng Trở cho rằng, nhìn từ việc xây dựng xã hội hài hòa và văn minh chính trị thì các tầng lớp xã hội mới là những lực lượng quan trọng trong xây dựng xã hội hài hòa. Các tầng lớp xã hội mới có nguyện vọng chính trị ngày càng tăng, do vậy cần phải có cơ chế biểu đạt nguyện vọng chính trị hoàn thiện và kiện toàn hơn. Cần phải nhận thấy rằng các tầng lớp xã hội mới có tính hai mặt trong trách nhiệm xã hội. Một mặt, cùng với việc của cải không ngừng tăng lên, ngày càng nhiều người tham gia vào những công việc công ích, từ thiện cho xã hội, đóng góp tích cực cho việc xây dựng xã hội hài hòa. Mặt khác, vấn đề không hài hòa trong quan hệ tiền lương lao động trong doanh nghiệp tư doanh cũng rất bức xúc. Vì thế cần phải

thông qua việc xây dựng chế độ mới để các tầng lớp xã hội mới tăng thêm trách nhiệm với xã hội, đóng góp cho sự hài hoà của xã hội.

THÙY DƯƠNG tổng hợp.

Thời báo Công thương Trung Hoa, ngày 8-8-2007

HỘI THẢO KHOA HỌC

TRUNG QUỐC SAU 5 NĂM GIA NHẬP WTO: CHIA SẺ KINH NGHIỆM VỚI VIỆT NAM

Ngày 24-25 tháng 9 năm 2007 tại Hà Nội và ngày 27-28 tháng 9 tại thành phố Hồ Chí Minh, Viện Khoa học xã hội Việt Nam cùng Chương trình hỗ trợ kỹ thuật sau WTO của Chính phủ đã tổ chức Hội thảo khoa học quốc tế: Trung Quốc 5 năm sau gia nhập WTO và chia sẻ kinh nghiệm với Việt Nam. Ban Tổ chức đã mời các chuyên gia, học giả chuyên về công tác wto đến từ các cơ quan quản lý, nghiên cứu, các trường đại học của Trung Quốc. Tham dự Hội thảo còn có các vị khách, chuyên gia quốc tế, đặc biệt là đại biểu các Bộ, Ban ngành Trung ương và địa phương-những người phụ trách công tác hội nhập quốc tế.

Phát biểu Khai mạc, GS.TS. Đỗ Hoài Nam, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Viện Khoa học xã hội Việt Nam nhấn mạnh, thành tựu mà Trung Quốc đạt được sau 5 năm gia nhập wto là rất ấn tượng và sau 5 năm Trung Quốc cũng rút ra được nhiều kinh nghiệm về chuẩn bị các điều kiện trong nước để đạt những

kỳ tích phát triển. Hội thảo là diễn đàn tốt để các diễn giả Trung Quốc chia sẻ kinh nghiệm với Việt Nam.

Phát biểu tại Lễ Khai mạc, Đại sứ Trung Quốc tại Việt Nam, Hồ Càn Văn đã khái quát những thành tựu mà Trung Quốc đạt được sau 5 năm gia nhập và bày tỏ Trung Quốc sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm và hợp tác cùng Việt Nam khi cả hai nước đều là thành viên của WTO.

Thông qua 5 phiên chuyên đề, các chuyên gia Trung Quốc đã chia sẻ cùng các đại biểu, những người phụ trách công tác hội nhập và thực hiện chương trình sau khi gia nhập WTO của các tỉnh phía Bắc tại Hà Nội, và cho các đại biểu các tỉnh phía Nam tại tp. Hồ Chí Minh. *Phiên thứ nhất* là các vấn đề chung sau khi gia nhập WTO của Trung Quốc. TS. Phó Tỉnh Quốc (Vụ WTO bộ Thương mại Trung Quốc) đã mang đến Hội thảo tham luận về thành tựu và kinh nghiệm của Trung Quốc sau 5 năm gia nhập WTO, đặc biệt bàn về sự phối hợp giữa chính quyền trung ương và chính quyền địa phương trong ứng phó sau khi gia nhập. GS. Hồ An Cương (Đại học Thanh Hoa) đã chia sẻ cùng các đại biểu những đóng góp của kinh tế Trung Quốc vào tăng trưởng của kinh tế và thương mại thế giới sau khi gia nhập. TS. Dương Kiến Văn (Viện Khoa học xã hội Thượng Hải) đã trình bày tham luận về những đặc điểm và xu thế chuyển đổi của kinh tế Trung Quốc sau khi gia nhập. *Phiên thứ hai* về các vấn đề kinh tế sau khi Trung Quốc gia nhập WTO, TS. Hàn Minh Trí (Ủy ban quản lý ngân hàng Trung Quốc) đã chia sẻ những kinh

kinh nghiệm mở cửa ngành ngân hàng sau khi gia nhập WTO. TS. Trình Quốc Cường (Trung tâm nghiên cứu phát triển Quốc vụ viện) đã trình bày về nông nghiệp Trung Quốc sau 5 năm gia nhập WTO. Tiếp đó, TS. Dư Phi (Đại học kinh tế tài chính Thượng Hải) đã giới thiệu kinh nghiệm ứng phó với chống phá giá của Trung Quốc và Mỹ. *Phiên thứ ba* bàn về điều chỉnh thể chế và pháp luật sau khi gia nhập WTO. TS. Chung Thanh (Trung tâm nghiệp vụ WTO Bắc Kinh) đã trình bày tham luận về điều chỉnh hệ thống pháp luật của Trung Quốc sau khi gia nhập WTO.

Phiên thứ tư về các vấn đề xã hội và môi trường. TS. Dương Nghi Dũng (Ủy ban cải cách và phát triển nhà nước) đã trình bày tham luận về cải cách chế độ an sinh xã hội sau khi gia nhập WTO. TS. Từ Lâm Huệ (Viện KHXH Thượng Hải) đã trình bày về chính sách bảo hiểm y tế sau khi gia nhập. Tiếp đó, TS. Thẩm Hiểu Nguyệt (Cục bảo vệ môi trường nhà nước) đã giới thiệu về chính sách môi trường của Trung Quốc sau khi gia nhập WTO. *Phiên thứ năm* giới thiệu về kinh nghiệm của các địa phương sau khi gia nhập. TS. Chung Thanh đã giới thiệu thành tựu, kinh nghiệm và những vấn đề sau khi gia nhập WTO của thành phố Bắc Kinh. TS. Thẩm Bá Minh (Đại học ngoại ngữ ngoại thương Quảng Đông) đã trình bày tham luận về ngành dịch vụ của tỉnh Quảng Đông sau khi gia nhập WTO. TS. Chu Môn Thiêm (Đại học kinh tế tài chính Giang Tây) đã giới thiệu về việc bảo hộ ngành nghề truyền thống (ngành gốm sứ Cảnh Đức Giang Tây) sau khi gia nhập WTO. GS. Trần Nguyên Trung (Đại học Dân tộc Quảng

Tây) đã giới thiệu về cải cách hành chính (Quảng Tây) sau khi gia nhập wto.

Hội thảo đã chia sẻ những kinh nghiệm của Trung Quốc sau 5 năm gia nhập wto như: Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức, đào tạo cán bộ chuyên sâu về wto; rà soát các văn bản luật pháp; thực hiện nghiêm chỉnh các cam kết; tận dụng tốt cơ hội và hạn chế những tác động tiêu cực; đẩy mạnh chuyển đổi chức năng của chính quyền; nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Những kinh nghiệm của Trung Quốc sau khi gia nhập wto là những tham khảo bổ ích đối với Việt Nam.

ĐỨC CẨN

GIỚI THIỆU SÁCH

“ĐỊA VỊ VÀ VAI TRÒ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN HIỆN NAY”

Tác giả: Liễu Khả Bạch, Vương Mai, Diêm Xuân Chi

Nxb Công nhân Trung Quốc, 2007.

Cuốn sách là thành quả của dự án nghiên cứu “*Địa vị và vai trò của giai cấp công nhân trong giai đoạn hiện nay ở Trung Quốc*”. Dựa trên kết quả điều tra thực trạng, công trình đã nghiên cứu những đặc điểm mới và xu thế mới trong sự phát triển đội ngũ công nhân, chỉ rõ những thách thức mới và vấn đề mới đang đặt ra trước giai cấp công nhân ở Trung Quốc hiện nay. Sách dày 400 trang được phân làm 4 thiên với 24 chương.

Thiên lý luận nhan đề “*Giai cấp công nhân trong kinh tế thị trường hiện đại*”, gồm 3 chương. Nội dung chủ yếu bao gồm: giới thiệu khái niệm giai cấp công nhân, bao gồm khái niệm giai cấp công nhân kinh điển, giai cấp công nhân truyền thống và giai cấp công nhân đương đại; lý luận về hệ thống quan hệ lao động; sự phân hóa địa vị của giai cấp công nhân trong thời kỳ chuyển đổi mối quan hệ lao động.

Thiên địa vị nhan đề “*Địa vị kinh tế và quyền lợi hợp pháp của giai cấp công nhân hiện nay*”, bao gồm 7 chương. Nội dung chủ yếu bao gồm: Việc nâng cao thu nhập tiền lương và phân chia lợi nhuận của giai cấp công nhân, các hình thức của cơ chế kích thích quyền tài sản và tác dụng của nó trong cải cách doanh nghiệp nhà nước; cơ chế nắm giữ cổ phần và cổ phiếu kỳ hạn của công nhân viên chức và việc thu mua cổ phiếu của người quản lý; việc thực hiện chế độ an sinh xã hội và thúc đẩy công bằng xã hội; vấn đề bảo vệ quyền lợi hợp pháp của giai cấp công nhân trong quá trình cải cách v.v...

Thiên vai trò nhan đề “*Giai cấp công nhân là lực lượng chủ thể của cải cách và phát triển*”, gồm 4 chương. Nội dung chủ yếu bao gồm: Phân tích vai trò của giai cấp công nhân, coi việc toàn tâm toàn ý dựa vào giai cấp công nhân là mấu chốt của những thành công của cải cách; việc xây dựng cơ chế nhằm hài hòa quan hệ lao động; phát triển tổ chức công đoàn trong thời kỳ chuyển đổi; vấn đề hài hòa quan hệ lao động và văn hóa đa nguyên.

Thiên nước ngoài nhan đề “*Tình trạng và biến đổi của giai cấp công nhân ở nước ngoài*”, gồm 5 chương. Nội dung chủ yếu bao gồm: Các khái niệm về giai cấp công nhân ở nước ngoài, chế độ nắm giữ cổ phần, cổ phiếu kỳ hạn của công nhân và việc thu mua cổ phiếu của người quản lý của các doanh nghiệp ở nước ngoài; chế độ quản lý và **đàm phán** tập thể về lao động - tiền lương ở nước ngoài; xu thế phát triển và những thách thức của tổ chức công đoàn ở các nước phương Tây trong bối cảnh toàn cầu hóa kinh tế v.v...

Có thể nói đây là một công trình nghiên cứu tương đối toàn diện và có hệ thống về giai cấp công nhân. Lấy giai cấp công nhân hiện nay làm đối tượng nghiên cứu, cuốn sách đã thể hiện 4 đặc trưng cơ bản: *Một là tính lịch sử; hai là tính hiện thực; ba là tính quốc tế; bốn là tính sáng tạo.*

Việt Nam và Trung Quốc là hai nước láng giềng có nhiều điểm tương đồng. Vì vậy, việc dịch và giới thiệu công trình nghiên cứu trên sẽ là tài liệu tham khảo tốt, có tác dụng gợi mở những suy nghĩ về việc nghiên cứu địa vị và vai trò của giai cấp công nhân ở Việt Nam hiện nay.

HOÀI NAM